TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2018 và ngày 28/9/2018
V/v: ly hôn giữa anh T, chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Trần Thảo

- Bà Bùi Thị Minh Hoa

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Ngọc Tiến - Thư ký Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2018 và ngày 28/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Văn T – sinh năm 1982

ĐKHKTT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

Bị đơn: Nguyễn Thị Hoàng L - sinh năm 1982

ĐKHKTT: Phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, các ý kiến trình bầy tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hoàng L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2011 tại UBND phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ngoài ra còn do vấn đề kinh tế, thu nhập của hai vợ chồng thấp nên ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, chị L cư xử hỗn láo, nhiều lần lừa dối chồng và gia đình nhà chồng. Anh và chị L đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, quá trình ly thân hai bên không có sự quan tâm đến nhau, về kinh tế riêng biệt. Hai bên có gặp nhau để trao đổi tìm cách tháo gỡ, nhưng cuộc sống hôn nhân không được cải thiện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị Hoàng L có 02 con chung là cháu Đỗ Hồng Như N, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Đỗ Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/7/2016. Hiện cháu N đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu N, chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nếu chị L không muốn hoặc không đủ khả năng nuôi cháu B, anh xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm lái xe tải cho tư nhận, không có hợp đồng lao động, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/ 01tháng.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Hai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, tự anh lo chỗ ở như hiện nay.

Trong bản tự khai, các biên bản làm việc tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng L trình bày:

Về thời gian, địa điểm, cũng như điều kiện kết hôn giữa hai vợ chồng như anh T trình bày là đúng, chị không có ý kiến gì. Trong quá trình chung sống anh T hay đánh chửi chị vì lý do tiền bạc, bố mẹ chồng xúi giục và thường xuyên ghen tuông vô cớ… nhưng chị luôn nhẫn nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, anh T đã bỏ nhà đi ở riêng từ năm 2015, mang theo con gái là cháu Đỗ Hồng Như N. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân, kinh tế riêng biệt. Cuối năm 2015, anh T có về nhà và vợ chồng chị có thai cháu B, sau đó anh T lại bỏ đi từ đó đến nay. Chị nhận thấy mục đích hạnh phúc trong hôn nhân không đạt được, anh T là người vô trách nhiệm đối với con cái, gia đình, đặc biệt là trong quá trình chị mang thai và sinh cháu Đỗ Huỳnh Gia B, anh T không hề quan tâm, chăm sóc. Bản thân chị cũng không có giải pháp nào để đoàn tụ vợ chồng, nhưng hiện tại chị chưa đồng ý ly hôn với anh T vì gia đình vẫn cần có người chồng và người cha. Khi nào cháu B có thể gọi được bố thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị và anh T chỉ có 01 con chung là cháu Đỗ Hồng Như N, sinh ngày 12/6/2012; Đối với cháu Đỗ Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/7/2016, chị không đồng ý anh T là bố của cháu vì từ khi chị mang thai cho đến lúc sinh cháu gặp nguy hiểm, anh T luôn thể hiện sự vô tâm, vô trách nhiệm với vợ con, sau đó chị đã phải một mình đi khai sinh cho cháu B. Chị không đồng ý khi anh T khai trước Tòa án rằng cháu B là con chung của hai vợ chồng. Nếu hai vợ chồng ly hôn thì chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và đề nghị được nuôi dưỡng cháu N vì anh T thường xuyên đi làm xa không có điều kiện chăm sóc, cháu hiện đang ở cùng ông bà nội. Chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 4.000.000 đồng/ 01tháng.

Hiện chị đang làm công nhân dọn vệ sinh sau xây dựng, ngoài ra có làm thêm giúp việc theo giờ, tổng thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ 01tháng.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Hai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, tự chị lo chỗ ở như hiện nay.

Ngày 22/8/2018, chị L cung cấp cho Tòa án phiếu siêu âm tại phòng khám

siêu âm Lê Minh Sáng và trình bày hiện nay chị đang có thai 18 tuần với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 23/8/2018, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã xác minh tại Phòng khám siêu âm L, địa chỉ: Xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Qua xác minh không thể hiện được: Chị Nguyễn Hoàng L - trú tại: quận C, Hà Nội tại phiếu siêu âm là chị Nguyễn Thị Hoàng L, trú tại: Phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Tòa án đã ra Thông báo về kết quả thu thập chứng cứ và yêu cầu giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với chị L. Sau khi nhận thông báo của tòa án, chị L có trình bày để thai nhi được 20 tuần tuổi chị sẽ đi cùng tòa án siêu âm lại.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2018, chị L vẫn giữ ý kiến về việc đang có thai với anh T. Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh việc có thai của chị L. Căn cứ qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và thông báo cho chị L đúng 09 giờ 00 phút ngày 07/9/2018 phải có mặt tại trụ ở tòa án để cùng tòa án đi khám xác định thai nhi. Ngày 31/8/2018, chị L có đơn trình bày việc do sức khỏe thai nhi yếu nên chị phải bỏ thai nên xin rút giấy tờ siêu âm liên quan đến thai nhi. Đến ngày 07/9/2018, chị L không đến tòa án để thực hiện việc đi khám xác định có thai.

Ngày 10/9/2018, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã ra thông báo số 141/2018/TB-TA yêu cầu chị L phải phối hợp với tòa án đi khám xác định việc có thai hoặc nếu chị đã bỏ thai như nội dung đơn đề nghị của chị thì chị L phải nộp cho tòa án giấy tờ xác định việc đã bỏ thai.

Hết thời hạn theo thông báo, chị L cũng không đến tòa án và cũng không nộp cho tòa án các tài liệu chứng cứ theo thông báo số 141/2018/TB-TA ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Đỗ Văn T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng L. Anh xác định cháu Đỗ Hoàng Gia B là con chung của hai vợ chồng. Sau ly hôn, mỗi người nuôi một con như hiện nay và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, nhà ở, công nợ, anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Về việc chị L xuất trình phiếu siêu âm và trình bày với Tòa án là hiện đang có thai đối với anh, anh khẳng định đã ly thân với chị L từ lâu và không biết gì về việc chị L có thai. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo qui định pháp luật

- Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng không đồng ý ly hôn vì muốn giữ cuộc sống gia đình, cho con cái có đầy đủ cha mẹ. Khi nào cháu B gọi được tiếng "Bố" với anh T thì chị mới ly hôn. Nếu ly hôn, chị L xin được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng. Về tài sản, nhà ở, công nợ, chị không yêu cầu giải quyết. Đối với tài liệu chị nộp cho Tòa án thể hiện chị đang có thai, đến nay chị xin rút lại toàn bộ phiếu siêu âm và cam đoan là chị không có thai. Đến thời điểm tòa án xét xử vụ án, chị không có thai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình tranh tụng, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy nhận thấy Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ các chứng cứ, thực hiện trình tự cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tuân thủ các quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Xác định anh T, chị L kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích pháp luật để anh T quay về đoàn tụ, nhưng anh T vẫn kiên quyết xin được ly hôn chị L vì tình cảm vợ chồng không còn. Đối với việc chị L xuất trình phiếu siêu âm xác định có thai, nhưng quá trình tòa án thu thập chứng cứ chưa đủ cơ sở xác định chị L có thai. Tại phiên tòa hôm nay, chị L cũng thừa nhận bản thân đến thời điểm tòa án xét xử, chị không có thai. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T. Sau ly hôn, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị L nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, nhà ở, công nợ, các bên đương sự cùng không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 08/12/2017, anh Đỗ Văn T nộp đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hoàng L tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Tại thời điểm anh T nộp đơn, chị Nguyễn Thị Hoàng L đang cư trú tại Phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quan hệ pháp luật phải giải quyết là tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn.

[2]. Xét về yêu cầu xin ly hôn:

Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2011 tại UBND phường N, quận C, thành phố Hà Nội thể hiện một hôn nhân hợp pháp. Theo các bên đương sự xác nhận thì cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên đánh chửi nhau. Đến năm 2015 thì các bên sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Tuy

nguyên nhân mâu thuẫn các bên đưa ra là không thống nhất, bên này đổ lỗi cho bên kia, nhưng điều đó thể hiện cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải cho anh T, chị L để tìm giải pháp hàn gắn cuộc sống gia đình, nhưng anh T đều cương quyết xin ly hôn. Chị L cũng xác định cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, mục đính hôn nhân không đạt được, nhưng chị không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối với ý kiến chị L trình bày về việc đang có thai, tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự, qua quá trình thu thập chưa đủ cơ sở xác định chị L đang có thai. Tại phiên tòa hôm nay, chị L trình bày thực tế chị không có thai, việc chị đưa ra phiếu siêu âm là để níu kéo anh T. Chị L cam đoan tại thời điểm tòa án xét xử, chị không có thai.

Tại phiên tòa hôm nay, theo quy định của pháp luật, Tòa án tiếp tục hòa giải nhưng anh T vẫn xác định tình cảm không còn, vẫn cương quyết xin ly hôn. Chị L không đồng ý ly hôn với anh T, nhưng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm giữa hai vợ chồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Xét thấy tình trạng quan hệ hôn nhân của anh T và chị L hiện đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn khả năng níu kéo, đời sống chung không thể kéo dài. Cuộc sống hôn nhân của anh T, chị L đã không còn tuân thủ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị L.

[3]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hoàng L trình bày: Do anh T không có trách nhiệm khi chị mang thai và sinh nở cháu B nên chị không đồng ý anh T là bố cháu Đỗ Huỳnh Gia B. Nhận thấy, cháu B được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh T và chị L, mặt khác, tại Giấy khai sinh của cháu B mà chị L đã xuất trình thể hiện anh T là bố đẻ cháu B. Kể từ khi cháu B được sinh ra đến nay cũng chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định anh T không phải là bố cháu B. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng xác nhận cháu B là con đẻ của anh nên có đủ cơ sở để khẳng định cháu Đỗ Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/7/2016 là con chung của chị Nguyễn Thị Hoàng L và anh Đỗ Văn T.

Như vậy, anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng L có 02 con chung là cháu Đỗ Hồng Như N, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Đỗ Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/7/2016. Anh T và chị L đều có đề nghị được nuôi dưỡng cháu N, đối với cháu B do còn nhỏ anh T đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng là nhằm đảm bảo sự phát triển đầy đủ, thuận lợi cho con trẻ. Hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và có việc làm, thu nhập ổn định, điều kiện về chỗ ở, học tập cho cháu N là đảm bảo; chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng

cháu B và cũng có công việc, thu nhập đảm bảo. Do vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con trẻ, đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng đối với cả hai con chung của anh T, chị L, Xét thấy cần thiết giao cháu Đỗ Hồng Như N cho anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Huỳnh Gia B cho chị Nguyễn Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom con chung.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung, nhà ở: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng L đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Các bên tiếp tục tự lo chỗ ở như hiện nay.

[5].Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đỗ Văn T

Anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoàng L.

2.Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng Như N, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T và chị L cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T, chị L có quyền thăm nom, gặp gỡ con chung, không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung, công nợ chung, nhà mua chung : Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Anh T, chị L tiếp tục tự lo chỗ ở như hiện nay.

4.Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005571 ngày 25/12/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự

quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Các đương sự
-TAND TP Hà Nội.
-VKSND quận Cầu Giấy + HN.
-Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.
-UBND phường N, quận C, TP Hà Nội
-Lưu hồ sơ.
-Lưu văn phòng TAND Quận Cầu Giấy.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Hải